

QUY ĐỊNH

Thực hiện sáng kiến; công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến và hoạt động của Hội đồng sáng kiến, Hội đồng xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-HĐSK, ngày tháng năm 2026)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng

1. Phạm vi

Quy định này quy định về điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thời gian, thủ tục xét, công nhận sáng kiến; đánh giá, xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến làm căn cứ đề nghị xét tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua hoặc đề nghị các hình thức khen thưởng cho cá nhân theo tiêu chuẩn có sáng kiến¹.

Quy định chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng sáng kiến.

2. Đối tượng

Quy định này được áp dụng đối với thành viên Hội đồng sáng kiến Sở Giáo dục và Đào tạo (gọi tắt là Hội đồng); các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, công chức, viên chức, người lao động có sáng kiến.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “*Hoạt động sáng kiến*” bao gồm các hoạt động tạo ra, áp dụng sáng kiến, công nhận sáng kiến, thực hiện quyền và nghĩa vụ liên quan đến sáng kiến².

2. *Sáng kiến* là giải pháp có tính mới về kỹ thuật, quản lý, tác nghiệp, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mang lại hiệu quả, lợi ích thiết thực đã được áp dụng tại cơ sở, có khả năng nhân rộng và được cấp có thẩm quyền công nhận³.

3. “*Cơ sở*” là cơ quan, tổ chức được thành lập theo pháp luật, có thể nhân danh chính mình tham gia quan hệ pháp luật dân sự một cách độc lập⁴.

4. “*Tác giả sáng kiến*” là người trực tiếp tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình. Đồng tác giả sáng kiến là những tác giả cùng nhau tạo ra sáng kiến⁵.

¹ Khoản 6 Điều 33 Nghị định 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ. Khoản 4, Điều 9 Thông tư 15/2025/TT-BNV ngày 04/8/2025.

² Khoản 1 Điều 2 Điều lệ Sáng kiến được ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

³ Khoản 4 Điều 3 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022.

⁴ Khoản 4 Điều 2 Điều lệ Sáng kiến được ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

⁵ Khoản 5 Điều 2 Điều lệ Sáng kiến được ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

5. “*Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến*” là cơ quan, tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật dưới hình thức giao việc, thuê việc hoặc các hình thức khác cho tác giả để tạo ra sáng kiến⁶.

6. “*Áp dụng sáng kiến lần đầu*” là việc áp dụng sáng kiến lần đầu tiên, kể cả áp dụng thử⁷.

Điều 3. Nguyên tắc xét công nhận sáng kiến, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến

1. Việc xét công nhận sáng kiến; xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến phải đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công khai, công bằng, thực chất, đúng đối tượng, tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục.

2. Sáng kiến đề nghị xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng phải được công nhận.

3. Mỗi cá nhân (hoặc nhóm cá nhân là đồng tác giả) có thể được xét và công nhận nhiều sáng kiến khác nhau tại một thời điểm đề nghị.

4. Đồng tác giả có tỷ lệ đóng góp từ 25% trở lên mới được đề nghị Hội đồng sáng kiến cơ sở đánh giá, công nhận.

5. Sáng kiến phải có tính sáng tạo, có khả năng áp dụng trong thực tiễn và mang lại hiệu quả về kinh tế, chính trị, xã hội thiết thực. Đề nghị công nhận sáng kiến và công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng được thực hiện theo các mẫu đính kèm quy định này.

Chương II

SÁNG KIẾN VÀ XÉT CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 4. Đối tượng được công nhận sáng kiến

Đối tượng được công nhận là sáng kiến bao gồm giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật được quy định tại Điều 3, Điều 4 Điều lệ sáng kiến và Điều 3, Điều 4 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

Điều 5. Cơ sở (đơn vị) có thẩm quyền, trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Tác giả (đồng tác giả) sáng kiến các phòng thuộc Sở đề nghị Giám đốc Sở công nhận sáng kiến; tác giả (đồng tác giả) thuộc các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở đề nghị Thủ trưởng đơn vị công nhận sáng kiến.

2. Tác giả sáng kiến có thể yêu cầu công nhận sáng kiến tại các cơ sở sau đây⁸:

a) Tại cơ sở là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến;

⁶ Khoản 6 Điều 2 Điều lệ Sáng kiến được ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

⁷ Khoản 3 Điều 2 Điều lệ Sáng kiến được ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

⁸ Khoản 1 Điều 5 Điều lệ Sáng kiến được ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

b) Tại cơ sở được tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, với điều kiện chủ đầu tư tạo ra sáng kiến từ chối công nhận sáng kiến và không có thỏa thuận khác với tác giả sáng kiến;

c) Tại cơ sở được tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, trong trường hợp tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

3. Đối với giải pháp đã được áp dụng, thời hiệu thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến là 01 năm kể từ ngày sáng kiến được đưa vào áp dụng lần đầu.⁹

4. Việc xét công nhận sáng kiến do người đứng đầu đơn vị xét công nhận sáng kiến quyết định. Người đứng đầu đơn vị xét công nhận sáng kiến thành lập tổ chuyên môn để đánh giá giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến trước khi Hội đồng bỏ phiếu thông qua, làm căn cứ quyết định việc công nhận sáng kiến trừ các trường hợp được quy định tại Điều 13 Quy định này.

Điều 6. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến (*mẫu số 1*).

2. Mỗi đơn yêu cầu công nhận sáng kiến chỉ áp dụng cho một giải pháp. Trường hợp tác giả có nhiều giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến thì không gộp chung nhiều giải pháp đó vào trong một đơn mà phải trình bày riêng trong từng đơn yêu cầu công nhận sáng kiến.

3. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến phải được tác giả ký và ghi rõ họ tên vào mục người nộp đơn ở trang cuối cùng của đơn; trường hợp sáng kiến có đồng tác giả thì người nộp đơn phải là một trong các đồng tác giả và phải được các đồng tác giả còn lại đồng ý nộp đơn, cùng ký xác nhận vào đơn.

Điều 7. Thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Để thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến, tác giả (đồng tác giả) gửi hồ sơ sáng kiến về cơ sở có thẩm quyền công nhận sáng kiến theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này, bao gồm:

a) Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến.

b) Các tài liệu liên quan (nếu có).

2. Thời hiệu thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến:

a) Đối với giải pháp chưa được áp dụng hoặc áp dụng thử, tác giả (đồng tác giả) có quyền nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến vào bất cứ thời điểm nào từ khi tạo ra sáng kiến. Tuy nhiên, để tạo sự thống nhất chung, các đơn vị tổ chức thẩm định và công nhận sáng kiến **hạn chót trước 30/4 hàng năm**. Các phòng thuộc Sở tổ chức thẩm định và công nhận sáng kiến **hạn chót trước 30/11 hàng năm**. Lưu ý: Các đơn vị tiếp nhận đơn chỉ tổ chức xét công nhận sáng kiến sau khi giải pháp đó được đưa vào áp dụng hoặc áp dụng thử.

b) Đối với giải pháp đã được áp dụng, thời hiệu thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến là trong 01 năm (12 tháng) kể từ ngày sáng kiến được đưa vào áp

⁹ Khoản 2 Điều 5 Điều lệ Sáng kiến được ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

dụng lần đầu tiên và chấm dứt tại thời điểm kết thúc ngày, tháng tương ứng của năm kế tiếp. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến sẽ bị từ chối tiếp nhận nếu được nộp sau thời gian nêu trên.

3. Việc thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến là do tác giả, đồng tác giả tự nguyện thực hiện.

Điều 8. Tiếp nhận, xem xét tính hợp lệ và đánh giá đối tượng nêu trong đơn đề nghị công nhận sáng kiến

1. Khi nhận được Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến của tác giả (đồng tác giả), các đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này có trách nhiệm tiếp nhận và xem xét đơn yêu cầu công nhận sáng kiến.

2. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến được xem xét hợp lệ khi đáp ứng các quy định về thể thức và nội dung theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 6 Quy định này.

3. Đơn vị tiếp nhận đơn đề nghị công nhận sáng kiến phải có trách nhiệm đánh giá đối tượng nêu trong đơn theo Điều 4 Quy định này.

4. Trước khi quyết định công nhận sáng kiến, việc công bố công khai giải pháp và tra cứu thông tin về tình trạng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm xét công nhận sáng kiến để đánh giá sáng kiến được thực hiện theo quy định.

Điều 9. Thông báo kết quả xem xét tính hợp lệ của đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, đơn vị có trách nhiệm thông báo cho tác giả (đồng tác giả) về kết quả xem xét tính hợp lệ của đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, cụ thể:

1. Đối với trường hợp đơn có thiếu sót, thông báo cho tác giả (đồng tác giả) sáng kiến và ấn định thời hạn tối đa 10 ngày để tác giả (đồng tác giả) điều chỉnh, sửa chữa thiếu sót, bổ sung và gửi lại.

2. Đối với trường hợp từ chối chấp nhận đơn, thông báo bằng văn bản cho tác giả (đồng tác giả) sáng kiến về lý do từ chối chấp nhận đơn.

3. Đối với trường hợp chấp nhận đơn hợp lệ, cơ sở ghi nhận các thông tin liên quan của đơn và lưu giữ hồ sơ đơn phù hợp với quy định.

Điều 10. Quy trình đánh giá, thẩm định và công nhận sáng kiến

1. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

1.1. Đối với công chức là chuyên viên

a) Thực hiện đơn yêu cầu công nhận sáng kiến gửi về Trưởng phòng.

b) Trưởng phòng thẩm định hoặc giao cho 01 phó trưởng phòng thẩm định đơn theo lĩnh vực phụ trách. Thẩm định, đánh giá “ĐẠT” hoặc “KHÔNG ĐẠT” vào phiếu tổng hợp. Cơ sở đánh giá theo thang điểm kèm theo quy định này.

c) Hội đồng toàn thể công chức trong phòng để thông qua kết quả thẩm định đơn của công chức.

d) Gửi hồ sơ về phòng Tổ chức Cán bộ tổng hợp và trình Lãnh đạo Sở phụ trách thẩm định trước khi trình Hội đồng.

1.2. Đối với công chức là Lãnh đạo phòng

a) Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến của trưởng phòng, phó trưởng phòng sẽ do lãnh đạo Sở phụ trách trực tiếp thẩm định. Do đó đơn của trưởng phòng, phó trưởng phòng sẽ gửi cho Phòng Tổ chức Cán bộ tổng hợp và chuyển đến lãnh đạo Sở thẩm định. Lãnh đạo Sở phụ trách thẩm định và đánh giá “ĐẠT” hoặc “KHÔNG ĐẠT” vào phiếu tổng hợp. Cơ sở đánh giá theo thang điểm kèm theo quy định này.

b) Phòng Tổ chức Cán bộ tổng hợp kết quả đã được lãnh đạo Sở thẩm định.

1.3. Hội đồng sáng kiến

- Phòng Tổ chức Cán bộ hoàn thiện hồ sơ, trình Hội đồng sáng kiến xem xét, bỏ phiếu.

- Cuộc họp Hội đồng sáng kiến phải thể hiện bằng biên bản và lưu giữ chung với hồ sơ sáng kiến tại đơn vị.

2. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở

a) Người đứng đầu cơ sở thành lập Hội đồng Sáng kiến để đánh giá giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến.

b) Hội đồng sáng kiến căn cứ tình hình thực tế thành lập tổ chuyên môn thực hiện thẩm định sáng kiến. Thành viên tổ chuyên môn là những người có uy tín, có trình độ chuyên môn về lĩnh vực được giao thẩm định. Những sáng kiến được tổ chuyên môn thẩm định (02 giám khảo thẩm định, đánh giá độc lập) kết quả điểm trung bình đạt từ 75 điểm trở lên sẽ được đưa vào danh sách sáng kiến “ĐẠT” và được đưa vào danh sách bỏ phiếu trình Hội đồng sáng kiến.

c) Những sáng kiến đạt 2/3 số phiếu đồng ý của thành viên Hội đồng sáng kiến sẽ làm căn cứ quyết định việc công nhận sáng kiến.

d) Cuộc họp Hội đồng sáng kiến phải thể hiện bằng biên bản và lưu giữ chung với hồ sơ sáng kiến tại đơn vị.

Điều 11. Công nhận sáng kiến

1. Đối với những sáng kiến đủ điều kiện công nhận thì người đứng đầu đơn vị có trách nhiệm ban hành quyết định công nhận sáng kiến. Trường hợp sáng kiến của người đứng đầu đơn vị được tạo ra khi có sử dụng kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật của nhà nước đầu tư, trước khi ban hành quyết định công nhận sáng kiến phải có văn bản chấp thuận của đơn vị quản lý trực tiếp.

2. Những giải pháp được đánh giá “KHÔNG ĐẠT” thì Hội đồng thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tác giả (đồng tác giả).

Điều 12. Hủy bỏ việc công nhận sáng kiến

Theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân, đơn vị công nhận sáng kiến có quyền quyết định hủy bỏ việc công nhận sáng kiến theo quy định tại khoản 3, Điều 9 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCHN, cụ thể như sau:

1. Người đứng đầu đơn vị quyết định hủy bỏ kết quả công nhận sáng kiến trong trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp đầy đủ tài liệu minh chứng người

nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến không phải là tác giả sáng kiến; có tranh chấp, kiện cáo giữa các bên về kết quả công nhận sáng kiến; không đáp ứng điều kiện về tính mới và điều kiện về khả năng mang lại lợi ích thiết thực; có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

2. Trước khi ra quyết định hủy bỏ kết quả công nhận sáng kiến, thủ trưởng đơn vị có thể thành lập và tổ chức họp Hội đồng Sáng kiến để xem xét tham mưu giải quyết; trong đó, phải mời các cá nhân, đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan và tác giả (đồng tác giả) dự họp để giải trình và thống nhất phương án xử lý.

3. Cuộc họp của Hội đồng Sáng kiến phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ ý kiến của những người dự họp và kết luận của Hội đồng.

4. Khi quyết định hủy bỏ kết quả công nhận sáng kiến, người đứng đầu cơ sở phải thu hồi, hủy bỏ Quyết định công nhận sáng kiến đã ban hành; thu hồi lại các khoản thù lao đã trả cho tác giả (đồng tác giả) và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có); thu hồi hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ các chế độ, quyền lợi mà tác giả (đồng tác giả) được hưởng từ sáng kiến đó.

Điều 13. Xét công nhận sáng kiến cho tác giả (đồng tác giả) là người đứng đầu cơ sở

1. Sáng kiến của tác giả (đồng tác giả) là người đứng đầu đơn vị, được tạo ra khi có sử dụng kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật của Nhà nước đầu tư, việc đánh giá phải thông qua Hội đồng Sáng kiến của cơ sở đó và trước khi quyết định công nhận sáng kiến phải được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 Điều lệ Sáng kiến và Điều 7 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu xét chấp thuận sáng kiến, đơn vị xét chấp thuận sáng kiến có trách nhiệm xem xét và đánh giá việc công nhận sáng kiến theo các quy định của Điều lệ Sáng kiến và Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN để quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận việc công nhận sáng kiến, trường hợp không chấp thuận cần nêu rõ lý do bằng văn bản.

3. Quy trình xét sáng kiến của tác giả (đồng tác giả) là người đứng đầu đơn vị

Để đánh giá sáng kiến của Thủ trưởng đơn vị, đơn vị thành lập Hội đồng sáng kiến không có sự tham gia của Thủ trưởng đơn vị.

Hội đồng thực hiện đánh giá sáng kiến, bỏ phiếu. Nếu đạt 2/3 số phiếu đồng ý của Hội đồng thì lập hồ sơ gửi về Sở GD&ĐT gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận việc công nhận sáng (*theo mẫu*);

b) Bản sao đơn yêu cầu công nhận sáng kiến;

c) Báo cáo đánh giá của đơn vị về việc đối tượng nêu trong đơn (sáng kiến, giải pháp) đáp ứng đủ các điều kiện để được công nhận là sáng kiến theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Điều lệ Sáng kiến (*theo mẫu*).

d) Biên bản kết luận của Hội đồng sáng kiến.

đ) Hồ sơ cuộc họp được lập riêng và lưu trữ chung với hồ sơ sáng kiến theo từng năm.

Chương III

XÉT CÔNG NHẬN HIỆU QUẢ ÁP DỤNG, KHẢ NĂNG NHÂN RỘNG CỦA SÁNG KIẾN

Điều 14. Thẩm quyền xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo có thẩm quyền công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” theo quy định tại Điều 80 Luật Thi đua, khen thưởng tổ chức xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến.

Điều 15. Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến

Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến **hạn chót trước ngày 05/5 hàng năm.**

Điều 16. Điều kiện xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến

Sáng kiến được xem xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng tại cơ sở khi đáp ứng đủ điều kiện sau đây:

- a) Sáng kiến đã được người đứng đầu cơ sở (đơn vị) quyết định công nhận.
- b) Sáng kiến đã được áp dụng hoặc áp dụng thử **ít nhất 1 học kỳ** tại cơ sở giáo dục và ít nhất 10 tháng tại cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo của tác giả (đồng tác giả). Sáng kiến phải mang lại hiệu quả kinh tế tại cơ sở (ví dụ như: nâng cao năng suất lao động, giảng dạy, giảm chi phí, thời gian, quy trình nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập, ..., hoặc lợi ích xã hội tại cơ sở (ví dụ như: nâng cao điều kiện an toàn lao động, cải thiện điều kiện sống, làm việc, giảng dạy, học tập, bảo vệ môi trường, sức khỏe con người);

Điều 17. Quy trình xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến

- a) Tổ thư ký Hội đồng sáng kiến Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận hồ sơ từ các đơn vị, phân lĩnh vực của sáng kiến.
- b) Hội đồng sáng kiến Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ tình hình thực tế thành lập tổ chuyên môn thực hiện thẩm định hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến theo lĩnh vực đã được phân loại.
- c) Mỗi lĩnh vực sáng kiến sẽ được 02 thành viên của tổ chuyên môn thẩm định, đánh giá độc lập. Kết quả điểm trung bình của 02 thành viên thẩm định, đánh giá đạt từ 75 điểm trở lên sẽ được đưa vào danh sách công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng và được đưa vào danh sách bỏ phiếu trình Hội đồng sáng kiến (*phiếu chấm và thang điểm kèm theo*).

Lưu ý: Kết quả thẩm định của 02 thành viên tổ chuyên môn không lệch nhau 10%/tổng số điểm, nếu lệch quá 10% thì 02 thành viên phải thảo luận để thống nhất điểm trước khi gửi kết quả cho tổ thư ký rà soát đối chiếu.

d) Những sáng kiến đạt 2/3 số phiếu đồng ý của thành viên Hội đồng sáng kiến sẽ được công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến.

đ) Giám đốc công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng cấp cơ sở để làm căn cứ đề nghị xét tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua hoặc đề nghị các hình thức khen thưởng cho cá nhân theo tiêu chuẩn có sáng kiến.

Điều 18. Thủ tục xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến

1. Hồ sơ đề nghị xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Tổ chức Cán bộ), gồm có:

a) Tờ trình đề nghị xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến của Thủ trưởng đơn vị kèm danh sách *(theo mẫu)*.

b) Biên bản họp Hội đồng xét công nhận sáng kiến, đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến *(theo mẫu)*.

c) Bản mô tả hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến *(mẫu số 02)*.

d) Bản chính dấu đỏ Quyết định công nhận sáng kiến của đơn vị.

đ) Các tài liệu minh chứng hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến (có xác nhận của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị áp dụng).

2. Số lượng hồ sơ: 02 bản mô tả kèm các tài liệu minh chứng (nếu có), các hồ sơ còn lại 01 bản.

Điều 19. Hủy bỏ kết quả công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến

1. Sở Giáo dục và Đào tạo có quyền xem xét hủy bỏ kết quả công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến khi cơ sở công nhận sáng kiến đã hủy bỏ việc công nhận sáng kiến.

2. Việc xem xét hủy bỏ kết quả công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến áp dụng theo quy định tại Điều 12 Quy định này và các quy định hiện hành.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ kết quả công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến gồm có:

a) Tờ trình của cơ sở về hủy bỏ việc công nhận sáng kiến.

b) Báo cáo tóm tắt lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ kết quả công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến.

c) Các tài liệu chứng minh cho việc hủy bỏ công nhận sáng kiến (nếu có).

Điều 20. Các trường hợp tác giả (đồng tác giả) sáng kiến được đặc cách công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng tại cơ sở

1. Tác giả (đồng tác giả) được đặc cách công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến cơ sở phải đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Hướng dẫn, bồi dưỡng học sinh đạt giải quốc tế.
- b) Tác giả, nhóm tác giả có dự án, đề tài đạt giải nhất, nhì, ba trong Hội thi Sáng tạo kỹ thuật cấp thành phố.
- c) Giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp THCS, THPT có giải pháp được công nhận. Các giáo viên tham gia và trực tiếp thực hiện nghiên cứu khoa học đạt giải Nhất, Nhì, Ba cấp thành phố trở lên.
- d) Được tặng danh hiệu “Tuổi trẻ sáng tạo” của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Bằng “Lao động sáng tạo” của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; được trao ‘Giải thưởng Phụ nữ Việt Nam” của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.
- đ) Những cá nhân là gương điển hình tiên tiến được bầu chọn đi dự Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc.

2. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đề nghị đặc cách công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến:

a) Tác giả (đồng tác giả) đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này nộp hồ sơ đề nghị gửi Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Tổ chức Cán bộ) gồm:

- Đơn đề nghị xét đặc cách công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến (*Mẫu số 03*).
- Bản sao bằng khen, chứng nhận chứng minh nội dung được đặc cách.

b) Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Tổ chức Cán bộ) tiếp nhận, rà soát hồ sơ, lập danh sách, báo cáo Hội đồng và trình Giám đốc Sở ban hành quyết định công nhận.

Lưu ý: Sáng kiến của cá nhân được đặc cách công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng phải được công nhận sáng kiến trước khi trình công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng.

Chương IV **HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN**

Điều 21. Hội đồng Sáng kiến

1. Thành lập Hội đồng Sáng kiến

a) Hội đồng Sáng kiến do người đứng đầu cơ sở quyết định thành lập theo quy định tại Điều 8 Điều lệ Sáng kiến và Điều 8 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng Sáng kiến:

- Xem xét đánh giá tính mới và khả năng mang lại lợi ích thiết thực của sáng kiến theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Điều lệ Sáng kiến để tham mưu cho người đứng đầu cơ sở công nhận và hỗ trợ tác giả thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan.

- Đề xuất với người đứng đầu cơ sở công nhận hoặc không công nhận Sáng kiến.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của người có thẩm quyền thành lập Hội đồng Sáng kiến.

c) Chế độ làm việc của Hội đồng Sáng kiến:

- Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.
- Phiên họp của Hội đồng chỉ được coi là hợp lệ khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch Hội đồng; trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch chủ trì phiên họp. Các thành viên Hội đồng vì lý do không tham dự cuộc họp phải báo cáo với Chủ tịch Hội đồng và cử đại diện tham dự, có ý kiến của mình bằng văn bản (bằng phiếu) về nội dung của cuộc họp.
- Giải pháp khi đưa ra xem xét tại phiên họp của Hội đồng được công nhận là sáng kiến khi có ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng bỏ phiếu đồng ý đánh giá “ĐẠT”.
- Kết quả làm việc của Hội đồng phải được thể hiện bằng biên bản.

2. Thành lập Hội đồng xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến:

a) Hội đồng xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến do Giám đốc Sở GD&ĐT quyết định thành lập. Hội đồng không quá 13 thành viên: Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở; Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó Giám đốc Sở phụ trách chuyên môn đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở; Thư ký là chuyên viên Phòng Tổ chức Cán bộ; Các ủy viên là các thành phần có liên quan đến nội dung sáng kiến, các thành phần khác do Giám đốc Sở quyết định.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến tại cơ sở:

- Thành lập Tổ chuyên môn giúp việc cho Hội đồng.
- Đánh giá hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến sở theo tiêu chí đánh giá được ban hành kèm theo quyết định này.
- Đề xuất với Giám đốc Sở công nhận hoặc không công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến.
- Đề xuất những sáng kiến, giải pháp có hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng và phạm vi ảnh hưởng cấp thành phố.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Giám đốc Sở.

c) Chế độ làm việc của Hội đồng thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

d) Trường hợp người đứng đầu cơ sở có thẩm quyền xét công nhận sáng kiến đồng thời là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến tại cơ sở thì có thể thành lập chung một Hội đồng để đánh giá cả 02 nội dung trên (nếu thời điểm xét công nhận trùng nhau). Hội đồng phải tiến hành xét công nhận sáng kiến trước, xin ý kiến cấp

trên bằng văn bản; xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến sau. Việc công nhận sáng kiến không đồng nhất với việc công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến.

Điều 22. Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến

Kinh phí cho hoạt động của Hội đồng được chi từ kinh phí sự nghiệp giáo dục giao hàng năm, gồm: chi hỗ trợ tiền thẩm định hồ sơ, văn phòng phẩm và các khoản chi khác phục vụ cho công tác thẩm định, họp xét công nhận sáng kiến.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở

1. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở có trách nhiệm:

a) Tuyên truyền, phổ biến và chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung của Quy định này; áp dụng các biện pháp khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo tại cơ quan, đơn vị theo quy định tại Điều 14, Điều 15 của Điều lệ Sáng kiến.

b) Tiếp nhận, hướng dẫn giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động sáng kiến thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

c) Kiến nghị với Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) các biện pháp để triển khai có hiệu quả việc thi hành các cơ chế, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động sáng kiến.

d) Lưu trữ hồ sơ xét công nhận sáng kiến; công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng của sáng kiến.

2. Phòng Tổ chức Cán bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo:

a) Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở.

b) Tham mưu tổ chức xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến

c) Tham mưu xây dựng báo cáo kết quả hoạt động sáng kiến trong ngành theo quy định (khi được yêu cầu).

3. Căn cứ vào kết quả xét công nhận sáng kiến; xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến để thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng.

4. Phòng Tài chính căn cứ chức năng nhiệm vụ và khả năng cân đối ngân sách phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 24. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo (qua Phòng Tổ chức Cán bộ) để tổng hợp, tham mưu Giám đốc Sở xem xét, quyết định./.